

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 45
8. Phụ lục	46

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736 (số cũ là 5203000050), đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (84-76) 3834060
- Fax : (84-76) 3834054

Công ty có Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty cổ phần Nam Việt trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Bảy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2008
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Nhứt ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền số 01/KT ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Chủ tịch

Ngày 27 tháng 8 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0835/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2016, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.903.384.929.558	1.824.162.681.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.431.886.926	12.707.313.325
1. Tiền	111		34.431.886.926	12.707.313.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		449.086.707.317	464.251.734.079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	313.998.250.929	342.836.738.475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	97.857.687.659	96.196.247.063
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	9.340.000.000	1.485.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	107.258.540.181	54.755.398.851
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(83.218.762.913)	(31.021.650.310)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	3.850.991.461	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.365.166.481.071	1.302.402.580.305
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.368.469.894.473	1.304.063.120.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.303.413.402)	(1.660.540.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.699.854.244	44.801.053.856
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	6.087.257.257	6.711.131.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.185.012.987	38.089.922.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	427.584.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.264.605.544.479	1.449.909.213.293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.246.916.737	19.459.893.095
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	19.335.916.737	19.459.893.095
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.089.000.000)	-
II. Tài sản cố định	220		471.610.144.859	479.143.228.983
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	162.808.834.593	173.205.269.687
- Nguyên giá	222		822.384.118.334	810.569.153.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(659.575.283.741)	(637.363.884.014)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	96.748.408.015	92.240.765.654
- Nguyên giá	225		160.990.710.175	144.390.612.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(64.242.302.160)	(52.149.847.225)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	212.052.902.251	213.697.193.642
- Nguyên giá	228		215.622.237.636	215.658.800.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.569.335.385)	(1.961.606.783)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		104.057.056.827	110.453.867.900
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	104.057.056.827	110.453.867.900
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		591.152.241.120	754.879.761.952
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	442.497.801.120	557.023.581.882
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	166.304.000.000	215.325.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(17.649.560.000)	(17.468.819.930)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		79.539.184.936	85.972.461.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	79.539.184.936	85.342.461.363
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	630.000.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.167.990.474.037	3.274.071.894.858

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.984.116.586.871	1.978.296.598.084
I. Nợ ngắn hạn	310		1.680.098.679.518	1.639.410.983.687
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	239.903.585.614	208.387.621.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	13.341.700.210	8.723.355.855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	1.284.146.299	5.567.008.182
4. Phải trả người lao động	314	V.19	21.337.539.072	43.145.134.345
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	7.896.730.087	7.866.075.403
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	61.475.914.542	61.436.367.304
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	1.333.916.484.389	1.303.072.169.260
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	942.579.305	1.213.251.697
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		304.017.907.353	338.885.614.397
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	303.912.907.353	338.885.614.397
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15	105.000.000	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.183.873.887.166	1.295.775.296.774
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.183.873.887.166	1.295.775.296.774
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	29.000.000.000	29.000.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	(85.424.863.871)	21.749.562.556
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.549.562.556	21.749.562.556
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(106.974.426.427)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	(4.249.078.215)	477.904.966
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.167.990.474.037	3.274.071.894.858

An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2016


Đào Trọng Khương
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởngNguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.354.293.355.593	1.119.452.606.869
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	13.112.301.400	18.317.267.842
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.341.181.054.193	1.101.135.339.027
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	1.168.886.861.321	948.212.073.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		172.294.192.872	152.923.265.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	29.126.802.009	23.179.077.953
7. Chi phí tài chính	22	VL5	43.752.637.482	55.306.384.950
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40.033.958.456	37.070.990.825
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.13a	(114.525.780.762)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VL6	62.549.237.407	73.189.292.018
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	81.362.702.451	30.178.276.920
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(100.769.363.221)	17.428.389.604
12. Thu nhập khác	31	VL8	2.037.375.942	7.924.419.178
13. Chi phí khác	32	VL9	11.889.034.840	1.797.329.756
14. Lợi nhuận khác	40		(9.851.658.898)	6.127.089.422
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(110.621.022.119)	23.555.479.026
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	345.387.489	3.259.371.829
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	735.000.000	15.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(111.701.409.608)	20.281.107.197
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(106.974.426.427)	20.224.600.125
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.726.983.181)	56.507.072
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	(1.634)	258
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10	(1.634)	258



An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2016

Đào Trọng Khương
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(110.621.022.119)	23.555.479.026
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,V.11,V.12	38.270.792.475	43.642.853.145
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.14	55.109.725.466	3.867.965.725
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	806.123.979	4.021.329.638
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.9	91.488.441.992	(12.476.151.272)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	40.033.958.456	37.070.990.825
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		115.088.020.249	99.682.467.087
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.055.799.845)	154.819.577.480
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(49.557.511.709)	(90.490.625.767)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.954.635.301	(99.512.311.459)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.343.846.149	19.575.861.268
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5, V.20	(40.320.579.436)	(37.229.717.624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(4.019.457.387)	(229.833.681)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	41.159.132.010
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(470.672.392)	(5.571.272.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.037.519.070)	82.203.277.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,11,13,VII	(18.009.295.710)	(84.048.224.776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		244.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.890.000.000)	(20.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.000.000	2.497.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(96.045.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.14; VI.4	65.861.000.000	5.698.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4; V.5	10.011.657.205	12.283.874.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50.252.361.495	(162.128.853.098)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	2.555.459.406.727	2.273.099.345.241
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(2.556.372.388.650)	(2.137.131.077.016)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(23.581.678.830)	(22.532.425.095)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(25.468.052.979)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.494.660.753)	87.967.790.151
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21.720.181.672	8.042.214.109
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.707.313.325	8.912.863.533
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.391.929	73.307.155
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	34.431.886.926	17.028.383.797

Đào Trọng Khương
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

491
V.G
IEM
N.V.
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này bị lỗ chủ yếu do phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết và do dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	90,91%	90,91%	90,91%	90,91%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VinaChem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất	40,5%	40,5%	40,5%	40,5%
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Chế biến và bảo quản rau quả.	44,4%	44,4%	44,4%	44,4%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.485.893.639	827.111.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.595.993.287	11.880.201.485
Tiền đang chuyển	350.000.000	-
Cộng	34.431.886.926	12.707.313.325

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>73.608.779.762</i>	<i>74.411.129.774</i>
Triple T Corporation (USA)	72.131.013.408	74.351.346.708
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh	1.402.382.593	59.783.066
Ông Doãn Chí Thiên	16.000.000	-
Ông Doãn Quốc Hội	59.383.761	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>240.389.471.167</i>	<i>268.425.608.701</i>
Các khách hàng nước ngoài	207.560.131.476	265.966.530.297
Các khách hàng trong nước	32.829.339.691	2.459.078.404
Cộng	313.998.250.929	342.836.738.475

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.243.957.162	95.170.887
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	72.499.890.800	72.320.029.471
Các nhà cung cấp trong nước khác	23.113.839.697	23.781.046.705
Cộng	97.857.687.659	96.196.247.063

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>7.850.000.000</i>	<i>-</i>
Cho Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh với lãi suất 7%/năm	7.850.000.000	-
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>1.490.000.000</i>	<i>1.485.000.000</i>
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay với lãi suất 12%/năm (*)	950.000.000	950.000.000
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang vay với lãi suất 0%/năm (*)	500.000.000	500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	40.000.000	35.000.000
Cộng	9.340.000.000	1.485.000.000

(*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và đã được trích lập dự phòng với tổng số tiền trích lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 975.000.000 VND (số đầu năm là 695.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.287.505.587	-	9.409.635.636	-
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh - Phải thu tiền bán vật tư	180.423.623	-	5.386.832	-
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh - Phải thu chi hộ	652.520	-	5.776.751	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Cho mượn	2.039.847.366	-	-	-
Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng	62.753.335	-	-	-
Ông Doãn Quốc Hội	-	-	40.000.000	-
Ông Doãn Chí Thanh - Thuế Thu nhập cá nhân	3.828.743	-	-	-
Thành viên Hội đồng quản trị - Phải thu lại tiền đất chậm nộp	-	-	9.358.472.053	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	104.921.084.594	(331.123.911)	45.345.763.215	(269.400.682)
Tạm ứng	2.472.954.908	-	5.189.156.927	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	329.525.199	-	3.981.180.521	-
Tiền lãi cho vay	574.586.123	(331.123.911)	476.479.546	(269.400.682)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược (*)	98.527.006.400	-	32.113.080.000	-
Ký quỹ cho hãng tàu để nhập hàng bị trả lại về	-	-	1.111.570.663	-
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	-	220.769.354	-
Ông Đỗ Thanh Xuân - Tiền cho mượn	2.957.475	-	1.454.798	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.064.004.489	-	2.252.071.406	-
Cộng	107.258.540.181	(331.123.911)	54.755.398.851	(269.400.682)

(*) Tập đoàn cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 97.700.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (số đầu năm là 31.700.000.000 VND đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang).

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn. Trong đó số đã quá hạn và đã được trích lập dự phòng với tổng số tiền trích lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 1.089.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng		118.120.062.434	36.207.423.432		48.705.468.298	18.648.218.670
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		1.572.845.664	1.100.991.965	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	10.790.636.786	7.553.445.750
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm		7.590.928.350	3.795.464.175	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	4.757.975.000	2.378.987.500
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		104.369.890.976	31.310.967.292	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	29.052.618.068	8.715.785.420
Quá hạn trên 03 năm		4.586.397.444	-	Quá hạn trên 03 năm	4.104.238.444	-
Phải thu cho vay		1.450.000.000	475.000.000		1.450.000.000	755.000.000
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		-	-	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	950.000.000	665.000.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm		950.000.000	475.000.000	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		-	-	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	300.000.000	90.000.000
Quá hạn trên 03 năm		500.000.000	-	Quá hạn trên 03 năm	200.000.000	-
Phải thu khác		1.565.479.546	145.355.635		476.479.546	207.078.864
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		-	-	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	57.316.667	40.121.667
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm		122.233.334	61.116.668	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	281.833.333	125.758.333
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		280.796.558	84.238.967	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	137.329.546	41.198.864
Quá hạn trên 03 năm		1.162.449.654	-	Quá hạn trên 03 năm	-	-
Cộng		121.135.541.980	36.827.779.067		50.631.947.844	19.610.297.534

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn		Nợ phải thu và cho vay dài hạn	Cộng
	Số đầu năm	Trích lập dự phòng bổ sung		
Số đầu năm	31.021.650.310	-	-	31.021.650.310
Trích lập dự phòng bổ sung	52.197.112.603	1.089.000.000	-	53.286.112.603
Số cuối kỳ	83.218.762.913	1.089.000.000	-	84.307.762.913

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Giá trị mi lát bị ước và các chi phí sấy khô chờ xử lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	129.540.652.602	-	71.457.555.498	-
Nguyên liệu, vật liệu	93.086.479.601	-	80.598.777.373	-
Công cụ, dụng cụ	7.932.538.833	-	4.597.972.985	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	436.899.956.240	-	496.889.549.968	-
Thành phẩm	682.896.844.547	(3.303.413.402)	620.279.794.854	(1.660.540.609)
Hàng gửi đi bán	18.113.422.650	-	30.239.470.236	-
Cộng	1.368.469.894.473	(3.303.413.402)	1.304.063.120.914	(1.660.540.609)

Hàng tồn kho có trị giá 356.906.342.517 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.660.540.609	1.182.010.022
Trích lập dự phòng dự phòng	1.642.872.793	133.320.892
Số cuối kỳ	3.303.413.402	1.315.330.914

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	547.756.083	4.120.434.082
Công cụ dụng cụ	2.458.011.305	1.379.851.505
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.081.489.869	1.210.846.163
Cộng	6.087.257.257	6.711.131.750

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	65.668.742.055	66.777.015.739
Công cụ dụng cụ	3.748.676.464	10.043.627.399
Chi phí sửa chữa	3.483.335.542	4.056.935.604
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.638.430.875	4.464.882.621
Cộng	79.539.184.936	85.342.461.363

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	299.426.536.490	450.460.327.905	50.584.257.960	10.098.031.346	810.569.153.701
Mua trong kỳ	152.627.273	653.810.000	1.930.782.727	1.059.270.015	3.796.490.015
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.468.418.284	2.497.648.668	3.079.823.778	-	9.045.890.730
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(503.896.030)	(1.805.042.567)	(269.700.000)	(248.777.515)	(2.827.416.112)
Số cuối kỳ	302.543.686.017	453.606.744.006	55.325.164.465	10.908.523.846	822.384.118.334

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.433.910.611	114.994.315.328	11.997.774.802	5.587.649.823	158.013.650.564
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	238.468.903.946	344.303.592.940	45.100.866.114	9.490.521.014	637.363.884.014
Khấu hao trong kỳ	5.171.161.366	17.568.246.600	840.199.000	285.119.612	23.864.726.578
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	705.882.360	-	-	705.882.360
Thanh lý, nhượng bán	(35.689.129)	(1.805.042.567)	(269.700.000)	(248.777.515)	(2.359.209.211)
Số cuối kỳ	243.604.376.183	360.772.679.333	45.671.365.114	9.526.863.111	659.575.283.741
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.957.632.544	106.156.734.965	5.483.391.846	607.510.332	173.205.269.687
Số cuối kỳ	58.939.309.834	92.834.064.673	9.653.799.351	1.381.660.735	162.808.834.593
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 42.744.232.037 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	134.912.926.333	9.477.686.546	144.390.612.879
Thuê tài chính trong kỳ	18.400.097.296	-	18.400.097.296
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(1.800.000.000)	-	(1.800.000.000)
Số cuối kỳ	151.513.023.629	9.477.686.546	160.990.710.175
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	50.556.270.900	1.593.576.325	52.149.847.225
Khấu hao trong kỳ	12.008.483.967	789.853.328	12.798.337.295
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(705.882.360)	-	(705.882.360)
Số cuối kỳ	61.858.872.507	2.383.429.653	64.242.302.160
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	84.356.655.433	7.884.110.221	92.240.765.654
Số cuối kỳ	89.654.151.122	7.094.256.893	96.748.408.015

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	215.296.802.325	361.998.100	215.658.800.425
Thanh lý, nhượng bán	(36.562.789)	-	(36.562.789)
Số cuối kỳ	215.260.239.536	361.998.100	215.622.237.636
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	361.998.100	361.998.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.599.608.683	361.998.100	1.961.606.783
Khấu hao trong kỳ	1.607.728.602	-	1.607.728.602
Số cuối kỳ	3.207.337.285	361.998.100	3.569.335.385
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	213.697.193.642	-	213.697.193.642
Số cuối kỳ	212.052.902.251	-	212.052.902.251
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.623.848.125 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang và Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	110.011.543.052	19.185.523.544	(9.045.890.730)	(16.141.331.022)	104.009.844.844
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	88.428.481.477	2.028.748.985	-	-	90.457.230.462
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	18.870.653.034	3.987.555.724	(3.538.200.979)	(15.973.486.418)	3.346.521.361
Nhà máy chế biến thức ăn	2.554.566.509	6.701.697.000	(3.119.692.141)	(1.649.999)	6.134.921.369
Các hạng mục khác	157.842.032	6.514.733.818	(2.387.997.610)	(166.194.605)	4.118.383.635
Sửa chữa tài sản cố định	442.324.848	1.005.162.158	-	(1.447.487.006)	-
Cộng	110.453.867.900	20.237.897.685	(9.045.890.730)	(17.588.818.028)	104.057.056.827

14. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VinaChem ⁽ⁱ⁾	612.900.000.000	(179.947.601.929)	432.952.398.071	612.900.000.000	(66.292.897.256)	546.607.102.744
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh ⁽ⁱⁱ⁾	12.000.000.000	(2.454.596.951)	9.545.403.049	12.000.000.000	(1.583.520.862)	10.416.479.138
Cộng	624.900.000.000	(182.402.198.880)	442.497.801.120	624.900.000.000	(67.876.418.118)	557.023.581.882

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Tập đoàn vào Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 607.500.000.000 VND, tương đương 40,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 60.750.000 cổ phiếu, tương đương 40,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VinaChem ⁽ⁱ⁾	546.607.102.744	(113.654.704.673)	432.952.398.071
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh ⁽ⁱⁱ⁾	10.416.479.138	(871.076.089)	9.545.403.049
Cộng	557.023.581.882	(114.525.780.762)	442.497.801.120

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Ngoại trừ Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem kinh doanh bị lỗ nhiều, công ty liên kết còn lại đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán nguyên liệu, vật tư	96.725.081	71.207.891
Bán thành phẩm, bao bì	1.525.826.143	18.443.085
Cho vay	7.850.000.000	-
Lãi vay phải thu	173.036.111	-

Khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP số 2 - VinaChem để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP				
Hàng Hải Việt Nam	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần				
Bảo hiểm Hàng				
Không	-	-	43.200.000.000	-
Công ty Cổ phần				
Quản lý Quỹ Đầu tư				
Chứng khoán Bản				
Việt	-	-	5.821.000.000	-
Công ty Cổ phần				
Cromit Cổ Định				
Thanh Hóa	20.304.000.000	(6.649.560.000)	20.304.000.000	(6.468.819.930)
Công ty Cổ phần				
Cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
Cộng	166.304.000.000	(17.649.560.000)	215.325.000.000	(17.468.819.930)

Tập đoàn đã bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không. Đồng thời, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt hoàn trả toàn bộ vốn góp cho các thành viên theo Thông báo số 19/2016/CV-VCAM ngày 28 tháng 01 năm 2016, do giải thể Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	17.468.819.930	13.134.836.304
Trích lập dự phòng bổ sung	180.740.070	972.107.794
Số cuối kỳ	17.649.560.000	14.106.944.098

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	630.000.000	225.000.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(735.000.000)	(15.000.000)
Kết chuyển thuế thu nhập hoãn lại phải trả	105.000.000	-
Số cuối kỳ	-	210.000.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 15%).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>17.670.756.161</i>	<i>11.223.842.444</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	15.516.920.370	11.223.842.444
Hộ Kinh doanh Cá sấu Long Xuyên	2.153.835.791	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>222.232.829.453</i>	<i>197.163.779.197</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	96.420.596.242	69.886.029.598
Các nhà cung cấp trong nước	125.812.233.211	127.277.749.599
Cộng	239.903.585.614	208.387.621.641

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng nước ngoài	8.240.211.002	6.785.648.979
Các khách hàng trong nước	5.101.489.208	1.937.706.876
Cộng	13.341.700.210	8.723.355.855

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	776.719.357	-	2.584.271.079	(3.232.918.992)	128.071.444	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	16.938.011	(16.938.011)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.551.670.544	(3.979.254.544)	-	427.584.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.967.256.599	-	367.380.060	(4.019.457.387)	315.179.272	-
Thuế thu nhập cá nhân	811.736.026	-	1.136.746.004	(1.118.081.297)	830.400.733	-
Thuế tài nguyên	11.296.200	-	56.205.450	(57.006.800)	10.494.850	-
Thuế nhà đất	-	-	32.026.062	(32.026.062)	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	5.567.008.182	-	7.754.237.210	(12.464.683.093)	1.284.146.299	427.584.000

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai, tính thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	1.089.538.203	1.376.159.183
Chi phí cước tàu và nhập hàng	2.349.464.200	3.004.511.597
Chi phí hoa hồng môi giới	1.733.048.958	1.526.328.850
Tiền com	527.781.677	603.777.113
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.196.897.049	1.355.298.660
Cộng	7.896.730.087	7.866.075.403

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	56.702.670.341	56.703.146.496
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	41.152.674.950	41.152.674.950
Ông Doãn Chi Thiên - Cổ tức phải trả	15.224.376.600	15.224.376.600
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải trả khác	325.618.791	326.094.946
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.773.244.201	4.733.220.808
Tài sản thừa chờ giải quyết	870.893.040	900.141.786
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.254.180.385	1.125.214.572
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.453.901.400	1.453.901.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.194.269.376	1.253.963.050
Cộng	61.475.914.542	61.436.367.304

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>135.343.381.384</i>
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	10.635.022.384
Vay Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh	-	2.490.000.000
Vay Ông Doãn Tới	-	418.359.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(a)	120.000.000.000	121.800.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.213.916.484.389</i>	<i>1.167.728.787.876</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.137.034.627.357	1.094.054.635.823
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang ^(b)	482.343.637.298	405.719.094.787
Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(c)	1.000.000.000	29.971.099.635
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(d)	63.459.800.000	37.964.240.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh An Giang ^(e)	154.195.827.478	171.539.816.222
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(f)	213.306.353.583	281.252.626.288
Vay Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank - TP. Hồ Chí Minh ^(g)	43.517.454.748	42.789.445.692
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(h)	154.270.508.050	113.619.857.122
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	24.941.046.200	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	45.750.000.000	40.875.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	31.131.857.032	32.799.152.053
Cộng	1.333.916.484.389	1.303.072.169.260

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.12).
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (xem thuyết minh số V.10) và 9.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng hóa thành phẩm cá tra xuất khẩu tại kho của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (xem thuyết minh số V.8).
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a).
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.12).
- (g) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank - TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a) thuộc sở hữu của Công ty và được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.094.054.635.823	2.551.799.406.727	-	778.151.073	(2.509.597.566.266)	1.137.034.627.357
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	13.125.022.384	2.960.000.000	-	-	(16.085.022.384)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	122.218.359.000	700.000.000	-	-	(2.918.359.000)	120.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	40.875.000.000	-	22.875.000.000	-	(18.000.000.000)	45.750.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	32.799.152.053	7.769.859.840	14.089.279.348	(40.942.879)	(23.485.491.330)	31.131.857.032
Cộng	1.303.072.169.260	2.563.229.266.567	36.964.279.348	737.208.194	(2.570.086.438.980)	1.333.916.484.389

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	159.270.137.844	169.041.578.844
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	94.725.137.844	102.141.578.844
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương ^(b)	64.545.000.000	66.900.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	144.642.769.509	169.844.035.553
Vay dài hạn ngân hàng	125.250.000.000	148.125.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang^(c)</i>	96.000.000.000	114.000.000.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang^(d)</i>	29.250.000.000	34.125.000.000
Nợ thuê tài chính	19.392.769.509	21.719.035.553
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị</i>	2.600.155.135	9.715.311.777
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	1.702.522.872	2.879.810.963
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	15.090.091.502	9.123.912.813
Cộng	303.912.907.353	338.885.614.397

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 36 tháng.
- (b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 36 tháng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định nhà máy, máy móc thiết bị, vùng nuôi với lãi suất 8.9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp tại Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem (xem thuyết minh số V.14).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu với lãi suất 9%/năm trong 03 năm đầu, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	171.000.000.000	45.750.000.000	125.250.000.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	64.545.000.000	-	64.545.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	94.725.137.844	-	94.725.137.844	-
Nợ thuê tài chính	50.524.626.541	31.131.857.032	19.392.769.509	-
Cộng	380.794.764.385	76.881.857.032	303.912.907.353	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	189.000.000.000	40.875.000.000	148.125.000.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	66.900.000.000	-	66.900.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	102.141.578.844	-	102.141.578.844	-
Nợ thuê tài chính	54.518.187.606	32.799.152.053	21.719.035.553	-
Cộng	412.559.766.450	73.674.152.053	338.885.614.397	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	148.125.000.000	-	-	-	(22.875.000.000)	125.250.000.000
Vay dài hạn tổ chức khác	66.900.000.000	-	-	(2.355.000.000)	-	64.545.000.000
Vay dài hạn cá nhân	102.141.578.844	-	-	(7.416.441.000)	-	94.725.137.844
Nợ thuê tài chính	21.719.035.553	11.868.697.274	(9.496.470)	(96.187.500)	(14.089.279.348)	19.392.769.509
Cộng	338.885.614.397	11.868.697.274	(9.496.470)	(9.867.628.500)	(36.964.279.348)	303.912.907.353

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	132.231.160	-	-	132.231.160
Quỹ phúc lợi	1.081.020.537	200.000.000	(470.672.392)	810.348.145
Cộng	1.213.251.697	200.000.000	(470.672.392)	942.579.305

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	176.552.500.000	176.552.500.000
Cộng	656.052.500.000	656.052.500.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**25a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	834.875,64	368.316,23
Euro (EUR)	3.174,36	2.727,57

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	8.424.932,03	160.912.072.607	8.420.467,83	160.811.895.425
Khách hàng trong nước	-	19.369.736.628	-	19.319.101.228
Cộng		180.281.809.235		180.130.996.653

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.290.899.032	357.046.724
Doanh thu bán thành phẩm	1.347.519.330.911	1.116.895.770.943
Doanh thu bán nguyên liệu	974.507.151	1.483.374.004
Doanh thu khác	4.508.618.499	716.415.198
Cộng	1.354.293.355.593	1.119.452.606.869

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.14, Tập đoàn Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên kết (cùng kỳ năm trước chỉ có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền là 38.617.680 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	9.293.741.588	16.882.744.263
Giảm giá hàng bán	3.818.559.812	1.434.523.579
Cộng	13.112.301.400	18.317.267.842

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.290.899.032	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.159.702.594.365	945.772.128.163
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	977.948.577	2.109.808.796
Giá vốn khác	5.272.546.554	196.815.637
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.642.872.793	133.320.892
Cộng	1.168.886.861.321	948.212.073.488

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.660.551.614	4.570.348.314
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.257.197	51.292.001
Lãi tiền cho vay	360.409.533	5.602.924.158
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.437.147.313	2.302.878.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.660.005.987	10.419.524.186
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.489.221	232.110.494
Lãi bán hàng trả chậm	110.941.144	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	16.840.000.000	-
Cộng	29.126.802.009	23.179.077.953

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	40.033.958.456	37.070.990.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.674.216.665	12.132.311.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	808.613.200	4.253.440.132
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	180.740.070	972.270.957
Chi phí tài chính khác	55.109.091	877.371.722
Cộng	43.752.637.482	55.306.384.950

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.445.100.021	2.812.708.120
Chi phí vật liệu, bao bì	29.613.234	561.535.269
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	143.225.168	62.517.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.517.852	-
Chi phí hoa hồng	10.894.307.098	6.953.448.809
Chi phí vận chuyển	34.026.340.679	52.574.570.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.376.225.837	9.847.322.065
Các chi phí khác	2.571.907.518	377.188.995
Cộng	62.549.237.407	73.189.292.018

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.074.192.599	16.560.921.534
Chi phí vật liệu quản lý	697.942.581	1.131.091.013
Chi phí đồ dùng văn phòng	214.917.342	364.628.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	510.118.395	419.034.269
Thuế, phí và lệ phí	3.536.137.230	2.719.842.462
Dự phòng phải thu khó đòi	53.286.112.603	2.762.537.039

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.489.720.314	1.787.610.327
Chi phí tiếp khách	1.251.277.633	1.944.026.559
Các chi phí khác	4.302.283.754	2.488.585.673
Cộng	81.362.702.451	30.178.276.920

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	454.926.559	-
Xử lý công nợ tồn lâu	303.497.268	6.202.456.616
Thu nhập khác	1.278.952.115	1.721.962.562
Cộng	2.037.375.942	7.924.419.178

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	260.769.690	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	9.359.137.932	465.162.065
Khấu hao các tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng chờ thanh lý	41.002.500	41.002.500
Chi phí công cụ dụng cụ không sử dụng	49.917.654	-
Chi phí khác	2.178.207.064	1.291.165.191
Cộng	11.889.034.840	1.797.329.756

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(106.974.426.427)	20.224.600.125
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(200.000.000)	(3.272.383.230)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(107.174.426.427)	16.952.216.895
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	65.605.250	65.605.250
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.634)	258

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	847.665.435.805	899.612.904.054
Chi phí nhân công	191.300.985.992	168.518.959.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.229.789.975	43.601.850.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.038.389.983	282.986.990.522
Chi phí khác	71.961.062.622	12.030.559.104
Cộng	1.296.195.664.377	1.406.751.263.689

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch liên quan đến tài sản cố định

Trong kỳ Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền và bằng tiền liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	17.888.685.914	24.139.596.859
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	1.749.871.200	-
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	705.133.347	148.981.324
Ứng trước mua tài sản	-	4.157.490.400

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành và cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Công ty đi vay	700.000.000	20.369.700.000
Công ty chia cổ tức	-	26.955.000.000
Bà Dương Thị Kim Hương		
Công ty đi vay	-	50.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh		
Công ty chia cổ tức	-	8.100.000.000
Tạm ứng	156.562.410	
Ông Đỗ Lập Nghiệp		
Tạm ứng	-	20.000.000
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	70.000.000	85.670.000
Công ty chia cổ tức	-	8.100.000.000
Mua tài sản	1.600.000.000	-
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Cho thuê căn tin	193.383.761	42.752.683

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng 158.027 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Á Châu, 185.337 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh REE thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.22).

Ông Doãn Chí Thiên dùng 1.871.991 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.22).

Ông Doãn Chí Thanh dùng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.22).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5, V.21 và V.22.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 592.037.000 VND (cùng kỳ năm trước là 408.948.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ
Hộ Kinh doanh Cá Sấu Long Xuyên	Do con của chủ tịch HĐQT làm chủ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.14 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Mua sản phẩm, vật tư	181.898.597	161.325.220
Tiền điện, nước và dịch vụ khác	5.109.395.640	2.442.096.233
Đi vay	2.960.000.000	5.220.000.000
Thu hộ	2.028.005	3.728.034
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt		
Cho vay	-	850.000.000
Hộ Kinh Doanh Cá Sấu Long Xuyên		
Chi phí tiền cơm	6.014.739.304	
Thu nhập từ bán vật tư	589.992	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5, V.16, V.21 và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

45

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
							Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	-	(27.417.629.848)	108.270.425.992	410.911.287	1.353.229.166.531
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	20.224.600.125	56.507.072	20.281.107.197
Tăng vốn kinh doanh từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	49.000.000.000	-	(49.000.000.000)	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(59.044.725.000)	-	(59.044.725.000)
Số dư cuối kỳ trước	660.000.000.000	611.965.459.100	49.000.000.000	(27.417.629.848)	20.450.301.117	467.418.359	1.314.465.548.728
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	29.000.000.000	(27.417.629.848)	21.749.562.556	477.904.966	1.295.775.296.774
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(106.974.426.427)	(4.726.983.181)	(111.701.409.608)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Số dư cuối kỳ này	660.000.000.000	611.965.459.100	29.000.000.000	(27.417.629.848)	(85.424.863.871)	(4.249.078.215)	1.183.873.887.166



Đào Trọng Khương
Người lập biểu



Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

